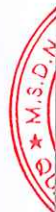


**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ
LẮP MÁY DẦU KHÍ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 59

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch	30/6/2020	
Ông Liam Hau Guan	Thành viên	30/6/2020	
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên	30/6/2020	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên độc lập	30/6/2020	
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên độc lập	30/6/2020	
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên		30/6/2020
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên		30/6/2020
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban	30/6/2020	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên	30/6/2020	
Ông Phạm Chu Tứ	Thành viên	30/6/2020	
<u>Ban điều hành, quản lý</u>			
Ông Đinh Văn Tân	Giám đốc	29/6/2020	
Ông Trần Vũ Phụng	Quyền Giám đốc		29/6/2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc		
Ông Trần Sỹ Huân	Phó Giám đốc		24/9/2020
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc		
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	29/6/2020	
Ông Phan Khắc Mẫn	Phó Giám đốc	12/8/2020	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Văn Tân, chức danh Giám đốc Công ty từ ngày 29 tháng 6 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



ĐÌNH VĂN TÂN - Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số VI.1 và VI.2: Trong năm, Công ty không ghi nhận doanh thu hoạt động xây lắp bao gồm giá trị khối lượng công việc xây lắp hoàn thành được khách hàng xác nhận trong tháng 01 năm 2020 với số tiền là 1.750.000.000 VND do đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc ghi nhận như vậy là không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Vì vậy, Chúng tôi phải đưa ra kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nếu như doanh thu được ghi nhận đúng kỳ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng lên với số tiền lần lượt là 1.750.000.000 VND và 3.098.275.480 VND. Đồng thời trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" sẽ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

tăng 1.348.275.480 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này” sẽ giảm 1.348.275.480 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh V.6: Trong năm 2019, chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình đã được phân bổ cho các dự án không được thực hiện tại địa điểm này và chi phí tiền lương công nhân trực tiếp thi công công trình xây lắp được hạch toán vào chi phí dở dang của từng công trình, tuy nhiên các chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và Kinh phí công đoàn (gọi tắt là “các khoản trích theo lương”) của các công nhân này được phân bổ cho các công trình theo sản lượng thi công thực tế trong năm. Việc phân bổ chi phí không hợp lý và không nhất quán đã làm cho giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trên chỉ tiêu “Hàng tồn kho” tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh cao hơn thực với số tiền 1.879.086.370 VND. Vì vậy, Chúng tôi phải đưa ra kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nếu như chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ phù hợp và các khoản chi phí trích theo lương được hạch toán cho từng công trình thì số dư đầu năm của chỉ tiêu “Hàng tồn kho” sẽ giảm đi số tiền là 1.879.086.370 VND và khoản mục “Giá vốn hàng bán” trong năm sẽ giảm đi với số tiền tương ứng

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		692.689.174.424	494.892.173.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.662.030.920	102.507.019.226
1. Tiền	111		37.492.329.173	102.507.019.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.169.701.747	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.503.335.807	202.806.922.049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	328.658.124.118	244.212.265.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.443.711.820	60.700.842.688
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	10.197.733.880	14.211.111.063
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(116.796.234.011)	(116.317.297.482)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	384.838.006.748	176.744.102.312
1. Hàng tồn kho	141		500.745.744.486	292.800.505.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(115.907.737.738)	(116.056.403.546)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.685.800.949	12.834.129.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	909.935.222	433.304.594
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.910.018.748	374.914.110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	10.865.846.979	12.025.910.804
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		625.911.939.018	683.708.701.119
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	19.308.370.083
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	5.000.000	19.308.370.083
II. Tài sản cố định	220		494.713.329.638	563.696.025.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	483.974.516.892	501.686.317.006
Nguyên giá	222		937.890.117.406	898.090.594.321
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(453.915.600.514)	(396.404.277.315)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	50.627.065.456
Nguyên giá	225		-	82.763.482.045
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(32.136.416.589)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.738.812.746	11.382.642.641
Nguyên giá	228		28.555.904.162	28.256.996.162
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.817.091.416)	(16.874.353.521)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	25.029.241.345	7.726.258.951
Nguyên giá	231		35.704.384.838	10.533.859.825
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.675.143.493)	(2.807.600.874)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.593.639.558	1.593.639.558
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.593.639.558	1.593.639.558
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	50.000.000	50.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.050.000.000	5.050.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		104.520.728.477	91.334.407.424
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	104.520.728.477	91.334.407.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.318.601.113.442	1.178.600.874.214

Báo cáo này là một phần hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		977.577.077.852	840.962.875.994
I. Nợ ngắn hạn	310		974.687.775.098	833.020.957.995
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	408.332.048.224	292.067.924.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	143.212.671.713	289.902.620.843
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	23.728.328.038	24.740.309.215
4. Phải trả người lao động	314		25.636.866.978	22.032.647.186
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	228.670.425.835	48.246.422.023
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	3.000.000	78.784.521
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	16.023.541.676	27.596.634.316
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	120.279.267.267	118.153.696.457
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	4.037.377.467	2.843.965.400
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	4.764.247.900	7.357.953.301
II. Nợ dài hạn	330		2.889.302.754	7.941.917.999
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	584.629.733	706.579.704
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	774.188.400	445.789.067
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.530.484.621	4.769.635.723
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	-	2.019.913.505
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.024.035.590	337.637.998.220
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	341.024.035.590	337.637.998.220
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.251.400.000	13.251.400.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.258.894.332	92.258.894.332
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	421		(364.486.238.742)	(367.872.276.112)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (lỗ lũy kế)	421a		(367.872.276.112)	(99.283.245.660)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.386.037.370	(268.589.030.452)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.318.601.113.442	1.178.600.874.214

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021

ĐINH VĂN TÂN
Giám đốc**PHẠM NGỌC TỬ**
Kế toán trưởng**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN**
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.136.967.348.176	405.464.116.220
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.136.967.348.176	405.464.116.220
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.090.806.588.294	538.320.234.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.160.759.882	(132.856.118.562)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	962.160.299	6.236.161.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.905.396.761	21.174.437.764
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.860.366.180	20.863.477.916
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	31.904.151.836	142.553.154.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.313.371.584	(290.347.549.562)
11. Thu nhập khác	31		829.281.309	27.864.402.684
12. Chi phí khác	32		3.277.849.261	4.066.448.941
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(2.448.567.952)	23.797.953.743
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.864.803.632	(266.549.595.819)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(1.521.233.738)	2.039.434.633
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.386.037.370	(268.589.030.452)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	56	(4.476)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	56	(4.476)

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021


ĐINH VĂN TÂN
Giám đốc
PHẠM NGỌC TÚ
Kế toán trưởng
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		1.864.803.632	(266.549.595.819)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		50.077.455.331	58.105.503.815
- Các khoản dự phòng	03	VII	(496.230.717)	138.578.848.079
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(294.189.222)	(17.952.730)
- Lãi/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	VII	(332.422.230)	(11.691.632.700)
- Chi phí lãi vay	06		10.860.366.180	20.863.477.916
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.679.782.974	(60.711.351.439)
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(5.703.763.320)	72.766.110.888
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(207.945.238.628)	15.487.491.994
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	141.564.448.196	(15.900.661.277)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(13.662.951.681)	7.484.479.395
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(10.960.934.181)	(16.474.605.996)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.593.705.401)	(2.761.621.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.622.362.041)	89.842.565
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(471.253.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.838.272.727	6.190.467.612
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	557.136.284	6.730.825.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.924.156.011	12.921.293.266
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		326.793.838.674	113.597.291.625
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(314.910.885.740)	(255.294.139.403)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(12.996.533.226)	(14.605.847.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.113.580.292)	(156.302.695.051)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(36.811.786.322)	(143.291.559.220)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	102.507.019.226	245.666.543.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(33.201.984)	132.035.190
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	65.662.030.920	102.507.019.226

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021

ĐINH VĂN TÂN
Giám đốcPHẠM NGỌC TỬ
Kế toán trưởngNGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, và thay đổi đến lần thứ mười ba số 3500834094 vào ngày 6 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là PXS.

- **Vốn điều lệ** : 600.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 60.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.584.533	305.845.330.000	50,97%
2	Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine	6.000.000	60.000.000.000	10,00%
3	Các cổ đông khác	23.415.467	234.154.670.000	39,03%
	Cộng	60.000.000	600.000.000.000	100,00%

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : (0254) 3 848 229

Fax : (0254) 3 848 404

Mã số thuế: **3 5 0 0 8 3 4 0 9 4**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, xây dựng và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Đào tạo nâng cao CBCN kỹ thuật chuyên ngành;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; Kinh doanh văn phòng, nhà ở);

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển);

Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp);

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị);

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng);

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị);

Đóng tàu và cầu kiện nổi (Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền, ngoài biển)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nổi, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp);

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp);

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp Quản lý dự án; quản lý chất lượng xây dựng công trình Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình Khảo sát địa hình, địa chất công trình Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phần nhiệt và điện lạnh công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ khí công trình dầu khí; Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; công trình điện áp dưới 220KV; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí.);

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);

Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; dịch vụ vệ sinh tàu biển; dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước);

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ);

Hoạt động của trụ sở văn phòng (Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc);

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng);

Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Kinh doanh cho thuê phương tiện vận tải);

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV);

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công);

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lợi nhuận 3.386.037.370 VND, tăng 271.975.067.822 VND so với năm trước (năm trước hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ 268.589.030.452 VND), trong đó doanh thu trong năm đạt 1.136.967.348.176 VND tăng đáng kể so với năm trước với mức tăng là 731.503.231.956 VND, tương đương tỷ lệ tăng 180%, nguyên nhân chính là khối lượng công việc của các hợp đồng xây dựng đã hoàn thành bàn giao gia tăng trong năm.

Bên cạnh đó, tình hình tài chính của Công ty cũng cải thiện đáng kể so với năm trước, cụ thể không còn phát sinh thêm chi phí dự phòng giảm giá công trình xây dựng, chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm đáng kể và chi phí lãi vay cũng giảm đi do khả năng thanh toán các khoản vay đến hạn được thực hiện đảm bảo,...

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 281.998.600.674 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các ngân hàng giúp cho Công ty có thể chi trả các khoản nợ khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 962 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 933 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm tạm ứng nhân viên, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 10

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số năm

3 - 7

Thiết bị văn phòng

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

3 - 10

Máy móc thiết bị

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng,

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay (nếu có).... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là phần diện tích sàn tầng 1 và tầng 2 của Khu phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian 30 năm.

14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

- Tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thể hiện số tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình đã trả trước. Tiền thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2010).
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức, lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, nhận ký quỹ, ký cược và các khoản phải trả khác.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 3% đến 10% trên doanh thu các sản phẩm và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

19. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

21. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

25. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	123.753.720	1.594.596
Tiền gửi ngân hàng (i)	37.368.575.453	102.505.424.630
Các khoản tương đương tiền (ii)	28.169.701.747	-
Cộng	65.662.030.920	102.507.019.226

(i) Trong số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 1.857.755.236 VND là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/ hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 3,3% - 3,4% /năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	56.189.045.936	81.653.534.236
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	44.345.530.605	50.193.646.069
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	1.240.959.367	2.606.513.398
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	13.369.400	13.369.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	325.998.117	6.050.948.957
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	6.285.214.745	18.584.243.519
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	2.902.411.052	553.038.200
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	-	2.743.127.776
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	562.347.790	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.	-	249.208.373
	117.830.216	-
	195.228.500	195.228.500

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.156.144	200.156.144
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i>	272.469.078.182	162.822.785.444
Ban quản lý dự án công trình DK I	116.734.967.999	116.734.967.999
Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP NMLD DQ	3.658.243.771	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Lilama)	22.918.044.568	21.308.314.560
Công ty Cổ phần Lilama 18 (Lilama 18)	65.666.350	7.472.015.870
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Sao Đại Dương	1.916.801.633	1.916.801.633
Công ty Hyundai Engineering Co., Ltd Hàn Quốc - Thầu chính Gói thầu G Dự án Hoá dầu Long Sơn	2.378.438.497	404.235.324
Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	108.251.012.834	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	1.095.821.731	-
Các khách hàng khác	15.450.080.799	14.986.450.058
Cộng	328.658.124.118	244.212.265.780
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	1.072.238.743	1.072.238.743
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	353.896.681
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu Khí	718.342.062	718.342.062
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	2.371.473.077	59.628.603.945
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DAE AH	1.014.923.176	-
Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Hải Hòa	595.680.000	-
Công ty TNHH Đức Khanh	493.964.010	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Dầu khí Thanh Long	-	6.919.118.600
Công ty TNHH MTV OGS	-	1.541.600.000
Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	-	6.934.222.868
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Nam Khang	-	28.528.500.000
Công ty Cổ phần Lilama 18 (Lilama 18)	-	15.351.915.087
Các nhà cung cấp khác	266.905.891	353.247.390
Cộng	3.443.711.820	60.700.842.688

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	10.197.733.880	(770.799.782)	14.211.111.063	(663.837.752)
Tạm ứng	1.769.843.075	(314.739.631)	1.009.736.110	(314.739.631)
Ký cược, ký quỹ	6.037.381.793	-	9.230.360.054	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	-	1.156.000.668	-
Các khoản phải thu khác	2.390.509.012	(456.060.151)	2.815.014.231	(349.098.121)
b) Dài hạn	5.000.000	-	19.308.370.083	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	19.308.370.083	-
Cộng	10.202.733.880	(770.799.782)	33.519.481.146	(663.837.752)

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn				
Khó đòi	118.140.682.350	(116.796.234.011)	128.962.635.530	(116.317.297.482)
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	117.015.985.887	(115.671.537.548)	127.944.901.097	(115.299.563.049)
Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP NMLD DQ	3.658.243.771	(3.658.243.771)	3.658.243.771	(3.658.243.771)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ Giới & lắp máy DK (PVC-ME)	200.156.144	(200.156.144)	200.156.144	(200.156.144)
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành & Bảo dưỡng PTSC	553.038.200	(553.038.200)	553.038.200	(553.038.200)
Công ty TNHH Xây lắp Nhật Minh	617.267.228	(617.267.228)	617.267.228	(308.633.614)
MEPCOM OFFSHORE AND MARINE PTE LTD	249.213.690	(249.213.690)	249.213.690	(174.449.583)
Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà	137.808.361	(96.465.853)	137.808.361	(68.904.181)
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	(195.228.500)	195.228.500	(195.228.500)
Ban Quản lý dự án DKI	104.867.326.000	(104.867.326.000)	116.734.967.999	(104.867.326.000)
Phải thu phí vận hành chung cư	766.677.002	(766.677.002)	766.677.002	(766.677.002)
Phải thu tiền gửi xe chung cư	180.000.003	(180.000.003)	180.000.003	(180.000.003)
Tiền sử dụng điện, nước sinh hoạt của các hộ chung cư	189.819.000	(189.819.000)	189.819.000	(189.819.000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Khách hàng khác	5.401.207.988	1.303.105.831	(4.098.102.157)	4.462.481.199	325.394.148	(4.137.087.051)
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>353.896.681</i>	-	<i>(353.896.681)</i>	<i>353.896.681</i>	-	<i>(353.896.681)</i>
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An - Trả trước	353.896.681	-	(353.896.681)	353.896.681	-	(353.896.681)
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>770.799.782</i>	-	<i>(770.799.782)</i>	<i>663.837.752</i>	-	<i>(663.837.752)</i>
Ông Phạm Hải Nam	133.000.000	-	(133.000.000)	133.000.000	-	(133.000.000)
Ông Huỳnh Kim Quy	530.837.752	-	(530.837.752)	-	-	-
Phí, lệ phí trước bạ của các căn hộ 02 NHC	106.962.030	-	(106.962.030)	530.837.752	-	(530.837.752)
Cộng	118.140.682.350	1.344.448.339	(116.796.234.011)	128.962.635.530	12.645.338.048	(116.317.297.482)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ và năm trước như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(116.317.297.482)	(8.119.405.321)
Trích lập dự phòng trong năm	(563.992.597)	(108.197.892.161)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	85.056.068	-
Số cuối năm	(116.796.234.011)	(116.317.297.482)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.456.864.304	(80.830.800)	5.892.834.580	(229.496.608)
Công cụ, dụng cụ	4.192.296.389	-	3.303.715.608	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	494.096.583.793	(115.826.906.938)	283.603.955.670	(115.826.906.938)
Cộng	500.745.744.486	(115.907.737.738)	292.800.505.858	(116.056.403.546)

(*) Trong năm 2019, chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình đã được phân bổ cho các dự án không được thực hiện tại địa điểm này và chi phí tiền lương công nhân trực tiếp thi công công trình xây lắp được hạch toán vào chi phí dở dang của từng công trình, tuy nhiên các chi phí BHXH, BHYT, và KPCĐ (gọi tắt là “các khoản trích theo lương”) của các công nhân này được phân bổ cho các công trình theo sản lượng thi công thực tế trong năm. Việc phân bổ chi phí không hợp lý và không nhất quán đã làm cho giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trên chỉ tiêu “Hàng tồn kho” tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh cao hơn thực với số tiền 1.879.086.370 VND. Nếu như chi phí phát sinh tại Cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ phù hợp và các khoản chi phí trích theo lương được hạch toán cho từng công trình thì số dư đầu năm của chỉ tiêu “Hàng tồn kho” sẽ giảm đi số tiền là 1.879.086.370 VND và khoản mục “Giá vốn hàng bán” trong kỳ sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	909.935.222	433.304.594
Công cụ, dụng cụ	725.054.810	392.973.545
Chi phí khác	184.880.412	40.331.049
b) Dài hạn	104.520.728.477	91.334.407.424
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	86.313.551.892	88.406.111.988
Công cụ, dụng cụ	18.207.176.585	2.928.295.436
Cộng	105.430.663.699	91.767.712.018

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	696.529.941.710	154.680.119.994	36.061.597.883	10.818.934.734	898.090.594.321
Tăng trong năm	9.735.602.988	82.900.927.045	-	34.900.000	92.671.430.033
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	82.900.927.045	-	-	82.900.927.045
Mua trong năm	-	-	-	34.900.000	34.900.000
Tăng từ tài sản bất động sản đầu tư	9.735.602.988	-	-	-	9.735.602.988
Giảm trong năm	35.235.557.472	16.588.351.373	881.142.809	166.855.294	52.871.906.948
Thanh lý, nhượng bán	329.429.471	16.588.351.373	881.142.809	166.855.294	17.965.778.947
Giảm do điều chỉnh tài sản bất động sản đầu tư	34.906.128.001	-	-	-	34.906.128.001
Số cuối năm	671.029.987.226	220.992.695.666	35.180.455.074	10.686.979.440	937.890.117.406

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm	226.000.597.547	126.798.548.430	32.786.196.604	10.818.934.734	396.404.277.315
Tăng trong năm	29.894.690.538	51.202.327.046	2.252.661.431	5.566.485	83.355.245.500
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	37.115.605.976	-	-	37.115.605.976
Tăng do phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư	2.784.830.764	-	-	-	2.784.830.764
Khấu hao trong năm	27.109.859.774	14.086.721.070	2.252.661.431	5.566.485	43.454.808.760
Giảm trong năm	10.281.083.565	14.514.840.633	881.142.809	166.855.294	25.843.922.301
Thanh lý, nhượng bán	329.429.471	14.514.840.633	881.142.809	166.855.294	15.892.268.207
Giảm do phân loại lại tài sản bất động sản đầu tư	9.951.654.094	-	-	-	9.951.654.094

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số cuối năm	245.614.204.520	163.486.034.843	34.157.715.226	10.657.645.925	453.915.600.514
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	470.529.344.163	27.881.571.564	3.275.401.279	-	501.686.317.006
Số cuối năm	425.415.782.706	57.506.660.823	1.022.739.848	29.333.515	483.974.516.892
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	31.443.005.980	65.630.855.493	18.853.234.188	10.818.934.734	126.746.030.395
Số cuối năm	35.762.397.890	92.792.393.800	25.125.956.834	10.652.079.440	164.332.827.964

Như trình bày tại Thuyết minh số V.20, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là nhà xưởng, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 74.950.982.444 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 81.230.399.737 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	82.763.482.045
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	82.763.482.045
<i>Mua lại tài sản thuê tài chính</i>	<i>82.763.482.045</i>
Số cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	32.136.416.589
Tăng trong năm	4.979.189.387
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>4.979.189.387</i>
Giảm trong năm	37.115.605.976
<i>Mua lại tài sản thuê tài chính</i>	<i>37.115.605.976</i>
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	50.627.065.456
Số cuối năm	-

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.166.470.000	13.090.526.162	28.256.996.162
Tăng trong năm	-	298.908.000	298.908.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>-</i>	<i>298.908.000</i>	<i>298.908.000</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.166.470.000	13.389.434.162	28.555.904.162
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	4.419.660.275	12.454.693.246	16.874.353.521
Tăng trong năm	413.668.608	529.069.287	942.737.895
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>413.668.608</i>	<i>529.069.287</i>	<i>942.737.895</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	4.833.328.883	12.983.762.533	17.817.091.416
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.746.809.725	635.832.916	11.382.642.641
Số cuối năm	10.333.141.117	405.671.629	10.738.812.746

Nguyên giá của các phần mềm máy tính bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 13.090.526.162 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.316.676.162 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà văn phòng cho thuê
Nguyên giá	
Số đầu năm	10.533.859.825
Tăng trong năm	34.906.128.001
<i>Phân loại lại nhóm tài sản cố định hữu hình</i>	<i>34.906.128.001</i>
Giảm trong năm	9.735.602.988
<i>Phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư</i>	<i>9.735.602.988</i>
Số cuối năm	35.704.384.838
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	2.807.600.874
Tăng trong năm	10.652.373.383
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>700.719.289</i>
<i>Phân loại lại nhóm tài sản cố định hữu hình</i>	<i>9.951.654.094</i>
Giảm trong năm	2.784.830.764
<i>Phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư</i>	<i>2.784.830.764</i>
Số cuối năm	10.675.143.493
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	7.726.258.951
Số cuối năm	25.029.241.345

Như trình bày tại Thuyết minh số V.20, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.726.258.951 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 25.029.241.345 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các hạng mục trên Bãi cảng giai đoạn 2 - phân kỳ 3	1.552.289.103	1.552.289.103
Đường ống phòng cháy chữa cháy dự án Bãi cảng phân kỳ 3	41.350.455	41.350.455
Cộng	1.593.639.558	1.593.639.558

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Sản xuất Ông thép	50.000.000	-	50.000.000	-
Dầu khí Việt Nam				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Kinh				
Cộng	5.050.000.000	(5.000.000.000)	5.050.000.000	(5.000.000.000)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>53.395.249.501</i>	<i>53.395.249.501</i>	<i>57.930.529.896</i>	<i>57.930.529.896</i>
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	2.274.571.394	2.274.571.394	2.274.571.394	2.274.571.394
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	1.044.106.790	1.044.106.790	1.044.106.790	1.044.106.790
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483	278.440.483	278.440.483
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	20.746.507.509	20.746.507.509	20.233.861.839	20.233.861.839
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)	1.975.800.851	1.975.800.851	2.921.118.501	2.921.118.501
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	606.113.697	606.113.697	3.669.873.594	3.669.873.594
Công ty TNHH Công Đoàn Dầu khí Việt Xô	-	-	315.532.800	315.532.800
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	472.138.000	472.138.000	224.817.114	224.817.114
Trường cao đẳng nghề Dầu khí	246.555.998	246.555.998	246.555.998	246.555.998
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	6.268.409.073	6.268.409.073	-	-
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	32.000.000	32.000.000	135.999.999	135.999.999
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	325.685.926	325.685.926	98.835.142	98.835.142
Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS	165.884.625	165.884.625	165.884.625	165.884.625
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	3.507.577.674	3.507.577.674	-	-
Công ty Cổ phần TM & DV Kỹ thuật khoan DK (PVD)	47.347.070	47.347.070	418.653.814	418.653.814
Công ty CP Đào tạo Kỹ thuật PVD	1.100.073.363	1.100.073.363	1.462.073.363	1.462.073.363
Công ty TNHH Giải pháp CN kiểm tra không phá hủy DKVN	371.624.710	371.624.710	371.624.710	371.624.710
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	-	-	6.860.700	6.860.700
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	-	102.380.270	102.380.270
Công ty Cổ phần TM & DV dầu khí Biển - Petrosetco	3.497.574.970	3.497.574.970	3.497.574.970	3.497.574.970
Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí VN	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650	135.220.650	135.220.650
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	-	-	5.724.950.840	5.724.950.840
Công ty TNHH MTV DV Cơ khí Hàng hải PTSC	989.874.839	989.874.839	3.869.728.461	3.869.728.461
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.714.723.844	1.714.723.844	1.714.723.844	1.714.723.844
Công ty Cổ phần bọc ống dầu khí Việt nam	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	-	-	6.000.000	6.000.000
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí	664.405.938	664.405.938	2.080.527.898	2.080.527.898

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Việt Nam				
Trường đại học Dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000	109.000.000	109.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829	397.877.829	397.877.829
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	44.000.000	44.000.000	44.000.000	44.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	354.936.798.723	354.936.798.723	234.137.394.837	234.137.394.837
S.ONE Marine & offshore Ltd.	5.090.751.851	5.090.751.851	5.079.633.609	5.079.633.609
Cyclotech Engineering Pte Ltd	13.018.182.384	13.018.182.384	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ thử không phá hủy - QIS	2.648.293.712	2.648.293.712	64.779.000	64.779.000
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu Khí Miền Nam - ALPHA	48.045.769.083	48.045.769.083	48.045.769.083	48.045.769.083
Công ty TNHH KING-S GRATING	2.554.034.321	2.554.034.321	8.564.894.685	8.564.894.685
Công ty TNHH Thương mại Đạt Lâm	1.998.032.314	1.998.032.314	1.998.032.314	1.998.032.314
Công ty TNHH MTV KT & TM Phụng Luật	2.806.467.923	2.806.467.923	2.806.467.923	2.806.467.923
Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	4.534.096.882	4.534.096.882	2.516.239.442	2.516.239.442
Công ty Cổ phần thương mại kỹ thuật Hà Quang	822.245.642	822.245.642	1.822.245.642	1.822.245.642
Công ty Cổ phần thương mại tổng hợp tỉnh BRVT (Getraco)	4.507.524.199	4.507.524.199	6.107.524.199	6.107.524.199
Tổng công ty Ba son - Công ty TNHH một thành viên	66.855.536.839	66.855.536.839	55.010.125.531	55.010.125.531
Công ty TNHH một thành viên cao su 75	2.431.338.268	2.431.338.268	2.631.338.268	2.631.338.268
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	9.146.196.319	9.146.196.319	10.556.145.723	10.556.145.723
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp & VLXD Đông Anh	2.403.201.128	2.403.201.128	2.403.201.128	2.403.201.128
Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	18.736.455.489	18.736.455.489	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Sao Đại Dương	2.273.178.027	2.273.178.027	2.273.178.027	2.273.178.027
Công ty Cổ phần Lilama 18 (Lilama 18)	20.026.995.611	20.026.995.611	-	-
Công ty TNHH Xuyên Hải	5.189.712.455	5.189.712.455	5.249.217.839	5.249.217.839
Công ty TNHH Sản xuất & Xây dựng AP	7.355.086.255	7.355.086.255	3.043.608.742	3.043.608.742
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	22.069.082.919	22.069.082.919	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Kim Ngọc	7.237.094.440	7.237.094.440	-	-
S-TANK ENGINEERING CO.,LTD-Thầu phụ bể chứa hình cầu gói thầu A2 DA tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam	13.410.997.068	13.410.997.068	-	-
Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	-	-	6.952.251.342	6.952.251.342
Công ty Cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	-	-	12.665.872.003	12.665.872.003
Các nhà cung cấp khác	91.776.525.594	91.776.525.594	56.346.870.337	56.346.870.337
Cộng	408.332.048.224	408.332.048.224	292.067.924.733	292.067.924.733

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan	53.395.249.501	53.395.249.501	57.930.529.896	57.930.529.896

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>47.207.091.708</i>	<i>34.081.287.543</i>
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	37.303.173.879	23.395.301.262
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	9.903.917.829	10.685.986.281
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác</i>	<i>96.005.580.005</i>	<i>255.821.333.300</i>
Công ty TNHH Hoá dầu Long Sơn	95.291.936.043	222.166.907.680
Hyundai Engineering Co., Ltd.	-	3.624.677.293
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tân Đồng Hiệp	-	30.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	713.643.962	29.748.327
Cộng	143.212.671.713	289.902.620.843

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	23.740.217.984	13.432.195.970	13.464.376.009	23.708.037.945
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	23.629.333.708	23.629.333.708	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.791.528.604	1.791.528.604	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.873.206.161)	(1.521.233.738)	-	(10.394.439.899)
Thuế thu nhập cá nhân	(3.025.867.312)	3.039.813.100	485.352.868	(471.407.080)
<i>Thuế thu nhập cá nhân phải thu</i>	<i>(3.152.704.643)</i>	<i>3.039.813.100</i>	<i>358.515.537</i>	<i>(471.407.080)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân phải nộp</i>	<i>126.837.331</i>	-	<i>126.837.331</i>	-
Các loại thuế khác	873.253.900	2.018.704.749	2.871.668.556	20.290.093
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà thầu	873.253.900	2.014.704.749	2.867.668.556	20.290.093
Cộng	12.714.398.411	42.390.342.393	42.242.259.745	12.862.481.059

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12.025.910.804	10.865.846.979
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.740.309.215	23.728.328.038

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng bán, dịch vụ cung cấp trong nước.

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	192.534.491	274.914.692
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	227.352.112.176	46.845.728.163
Phí khai thác thương hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.125.779.168	1.125.779.168
Cộng	228.670.425.835	48.246.422.023

18. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn	3.000.000	78.784.521
Doanh thu tiền cho thuê văn phòng nhận trước	3.000.000	78.784.521
b) Dài hạn	584.629.733	706.579.704
Lãi của bán và mua tài sản thuê mua tài chính	584.629.733	706.579.704
Cộng	587.629.733	785.364.225

19. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	16.023.541.676	27.596.634.316
Kinh phí công đoàn	5.144.335.697	4.094.972.397
Bảo hiểm xã hội	-	8.166.300.579
Bảo hiểm y tế	37.669.683	3.120.352.825
Bảo hiểm thất nghiệp	210.185.462	1.405.885.332
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.631.350.834	10.809.123.183
Phải trả cổ tức	36.203.277	36.203.277
Lãi phải trả vay	4.564.141.289	5.424.637.281
Các quỹ ừng hộ	2.553.527.879	2.845.427.879
Các khoản phải trả khác	3.477.478.389	2.502.854.746
b) Dài hạn	774.188.400	445.789.067
Nhận ký quỹ, ký cược	774.188.400	445.789.067
Cộng	16.797.730.076	28.042.423.383

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	118.153.696.457	118.153.696.457	326.796.061.674	(327.909.641.966)	3.239.151.102	120.279.267.267	120.279.267.267	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	58.778.183.049	58.778.183.049	313.443.838.674	(283.330.516.622)	-	88.891.505.101	88.891.505.101	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	-	-	271.650.233.646	(201.651.505.537)	-	69.998.728.109	69.998.728.109	
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	29.908.779.233	29.908.779.233	34.196.856.499	(54.458.721.081)	-	9.646.914.651	9.646.914.651	
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (iii)	14.386.318.367	14.386.318.367	1.147.076.303	(6.287.532.329)	-	9.245.862.341	9.245.862.341	
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	6.449.672.226	(6.449.672.226)	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.483.085.449	14.483.085.449	-	(14.483.085.449)	-	-	-	
<i>Vay ngắn hạn cá nhân (iv)</i>	32.880.554.000	32.880.554.000	9.350.000.000	(14.081.942.936)	-	28.148.611.064	28.148.611.064	
Vay ngắn hạn cá nhân là các bên liên quan (*)	1.880.000.000	1.880.000.000	-	(1.880.000.000)	-	-	-	
Vay ngắn hạn cá nhân khác	31.000.554.000	31.000.554.000	9.350.000.000	(12.201.942.936)	-	28.148.611.064	28.148.611.064	
<i>Vay ngắn hạn tổ chức</i>	5.660.729.626	5.660.729.626	4.000.000.000	(9.660.729.626)	-	-	-	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (*)	2.660.729.626	2.660.729.626	-	(2.660.729.626)	-	-	-	
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	-	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-	-	
Daeah E&C Vietnam	3.000.000.000	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-	-	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	7.837.696.556	7.837.696.556	-	(7.837.696.556)	3.239.151.102	3.239.151.102	3.239.151.102
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	1.760.000.000	1.760.000.000	-	(1.760.000.000)	-	-	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (v)	6.077.696.556	6.077.696.556	-	(6.077.696.556)	3.239.151.102	3.239.151.102	3.239.151.102
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	12.996.533.226	12.996.533.226	-	(12.996.533.226)	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	11.089.909.788	11.089.909.788	-	(11.089.909.788)	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	1.906.623.438	1.906.623.438	-	(1.906.623.438)	-	-	-
b) Dài hạn	4.769.635.723	4.769.635.723	-	-	(3.239.151.102)	1.530.484.621	1.530.484.621
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (v)	4.769.635.723	4.769.635.723	-	-	(3.239.151.102)	1.530.484.621	1.530.484.621
Cộng	122.923.332.180	122.923.332.180	326.796.061.674	(327.909.641.966)	-	121.809.751.888	121.809.751.888
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là bên liên quan (*)	4.540.729.626	4.540.729.626	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản vay, nợ chủ yếu như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cho vay số 28540.20.551.936443.TD ngày 22 tháng 6 năm 2020, hạn mức cho vay là 105.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 và không quá 03 tháng cho mỗi khoản vay. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện gói thầu A2 kho chứa và các đường ống dẫn liên kết của dự án tổ hợp LSP theo hợp đồng số LSP-CA-147 ký ngày 25 tháng 6 năm 2018. Khoản vay này chịu lãi suất được quy định tại các văn bản nhận nợ. Công ty đã sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc của Khu phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xem Thuyết minh số V.8 và V.11) và máy móc thiết bị có giá trị còn lại là để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.8).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo với hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo từng Giấy nhận nợ. Khoản tín dụng này được bảo đảm bằng quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được chia và sử dụng, khai thác/ sở hữu sản phẩm được phân chia và các quyền tài sản khác của Công ty.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng số 14/20/HĐHM-9232 ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ/14/20/HĐHM-9232 ngày 27 tháng 4 năm 2020, hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo Khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền đòi nợ đã hình thành/ hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và đối tác là Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Các khoản vay từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, chịu lãi suất từ 6%/năm đến 18%/năm, các khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo các Hợp đồng tín dụng sau:
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 9880/2015-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 22 tháng 01 năm 2016 và Phụ lục lịch trả nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 9880/2015-HĐTDDA/NHCT880-PXS-PL01 ngày 01 tháng 6 năm 2016 với số tiền cam kết cho vay là 21.248.000.000 VND dùng để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thuộc dự án Nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 của Công ty, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân 11 tháng 3 năm 2016 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021. Khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 9880/2015-HĐTC-DA/NHCT880-PXS ngày 8 tháng 01 năm 2016.
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS ngày 01 tháng 4 năm 2016 và Phụ lục lịch trả nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 9749/2016-HĐTDDA/NHCT880-PXS-HĐTDDA/NHCT880-PXS-PL01 ngày 01 tháng 11 năm 2016 với số tiền cam kết cho vay là 166.698.000.000 VND dùng để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí Sao Mai Bến Đình giai đoạn II - Phân kỳ 3, thời hạn cho vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân 14

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng 4 năm 2016 đến ngày 11 tháng 4 năm 2022. Khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế tài sản số 880/GHTD/16101004-PVCMS; Hợp đồng thế chấp tài sản số 880/GHTD/16101005-PVCMS; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 880/GHTD/16101006-PVCMS.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 16101025/2016-HĐTDDA/NHCT880-PVC MS ngày 28 tháng 10 năm 2016 với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 9.216.000.000 VND dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua lại tài sản của CTCP Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S tại bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí theo Hợp đồng số 246/09/2016/HĐCN/PVCMS-FVS ngày 23 tháng 9 năm 2016, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này chịu lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh kể từ tháng 13 trở đi. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 880/GHTD/16101019-PVCMS.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	3.239.151.102	6.077.696.556
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.530.484.621	4.769.635.723
	4.769.635.723	10.847.332.279
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(3.239.151.102)	(6.077.696.556)
Số phải trả sau 12 tháng	1.530.484.621	4.769.635.723

21. Dự phòng phải trả

a) Ngắn hạn	4.037.377.467	2.843.965.400
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.151.301.217	170.310.400
Dự phòng phải trả khác	1.886.076.250	2.673.655.000
b) Dài hạn	-	2.019.913.505
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	2.019.913.505
Cộng	4.037.377.467	4.863.878.905

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.357.953.301	10.119.583.301
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi/ sử dụng các quỹ	(2.593.705.401)	(2.761.630.000)
Số cuối năm	4.764.247.900	7.357.953.301

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước						
Số đầu năm	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(100.098.441.098)	605.411.833.234
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(268.589.030.452)	(268.589.030.452)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	815.195.438	815.195.438
Số cuối năm	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(367.872.276.112)	337.637.998.220
Năm nay						
Số đầu năm	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(367.872.276.112)	337.637.998.220
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.386.037.370	3.386.037.370
Số cuối năm	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(364.486.238.742)	341.024.035.590

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 với chi tiết như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	305.845.330.000	50,97%	305.845.330.000	305.845.330.000
Công ty TNHH Mepcorn Offshore & Marine	60.000.000.000	10,00%	60.000.000.000	60.000.000.000
Các cổ đông khác	234.154.670.000	39,03%	234.154.670.000	234.154.670.000
Cộng	600.000.000.000	100,00%	600.000.000.000	600.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
Cổ phiếu phổ thông	2	2
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.998	59.999.998
Cổ phiếu phổ thông	59.999.998	59.999.998
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	22.402,53	44.747,62

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	Không thu hồi được	1.071.178.245	1.071.178.245
Các khoản trả trước, tạm ứng	Không thu hồi được	324.610.523	324.610.523
Cộng		1.395.788.768	1.395.788.768

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp (*)	1.105.342.292.854	325.546.929.428
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.625.055.322	57.160.496.807
Doanh thu bất động sản	-	6.922.727.273
Doanh thu khác	-	15.833.962.712
Cộng	1.136.967.348.176	405.464.116.220

Doanh thu đối với các bên liên quan

Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	834.894.594	96.322.069.828
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	(526.055.508)	12.204.634.262
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetpetro	119.445.257	169.782.352
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	34.651.560.509	80.691.094.691
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	2.675.975.320	1.384.651.476
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	124.296.224	288.420.600
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	2.008.981.611	139.573.979
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	513.963.900	284.915.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	110.998.516	116.220.456
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	107.118.378	-
Cộng	40.621.178.801	191.695.288.747

(*) Doanh thu hoạt động xây lắp kỳ này không bao gồm giá trị khối lượng công việc xây lắp hoàn thành được khách hàng xác nhận trong tháng 01 năm 2020 với số tiền 1.750.000.000 VND do đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, việc ghi nhận doanh thu như trên không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp (*)	1.068.340.198.647	476.828.531.788
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.466.389.647	46.858.861.556
Giá vốn bất động sản	-	8.309.377.437
Giá vốn khác	-	6.323.464.001
Cộng	1.090.806.588.294	538.320.234.782

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Giá vốn hoạt động xây lắp kỳ này không bao gồm giá vốn tương ứng với phần khối lượng công việc xây lắp hoàn thành được khách hàng xác nhận trong tháng 01 năm 2020 với số tiền 3.098.275.480 VND do đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, việc ghi nhận như trên không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	579.160.243	5.973.019.631
Lãi chênh lệch tỷ giá	383.000.056	263.141.694
Cộng	962.160.299	6.236.161.325

4. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay	10.860.366.180	20.863.477.916
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	220.073.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45.030.581	90.886.475
Cộng	10.905.396.761	21.174.437.764

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	18.628.501.069	18.770.242.162
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	9.130.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	774.249.274	471.367.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.199.089.369	4.703.813.488
Thuế, phí và lệ phí	14.941.933	15.660.000
Chi phí dự phòng	1.800.577.029	110.600.755.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.202.915.613	4.494.555.393
Chi phí bằng tiền khác	4.274.747.549	3.496.760.218
Cộng	31.904.151.836	142.553.154.561

6. Thu nhập (lỗ) khác

Thu nhập khác	829.281.309	27.864.402.684
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	5.718.613.069
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	170.310.400	21.217.414.391
Hợp tác kinh doanh bãi An Phong	220.000.000	-
Tiền cho thuê mặt bằng	172.355.855	18.141.303
Thu nhập khác	266.615.054	910.233.921
Chi phí khác	3.277.849.261	4.066.448.941
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	246.738.013	-
Các khoản bị phạt	2.108.211.299	2.124.129.487
Chi phí khác	922.899.949	1.942.319.454
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(2.448.567.952)	23.797.953.743

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	1.864.803.632	(266.549.595.819)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.864.803.632)	66.877.469.949
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.738.498.335)	(173.160.680)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.873.694.703	67.050.630.629
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	-	(199.672.125.870)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	(1.521.233.738)	2.039.434.633
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.521.233.738)	2.039.434.633

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản lỗ mang sang là 238.881.933.570 VND (chưa được quyết toán thuế) có thể bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong thời hạn 5 năm kể từ khi phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thu nhập trong tương lai.

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.386.037.370	(268.589.030.452)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.386.037.370	(268.589.030.452)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.999.998	59.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	56	(4.476)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.386.037.370	(268.589.030.452)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	3.386.037.370	(268.589.030.452)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.999.998	59.999.998
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	59.999.998	59.999.998
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	56	(4.476)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	231.833.827.527	206.201.748.100
Chi phí nhân công	172.503.820.268	120.882.821.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.077.455.331	58.105.503.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	870.660.371.439	118.879.237.608
Chi phí bằng tiền khác	8.276.559.496	125.647.034.423
Cộng	1.333.352.034.061	629.716.344.984

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	22.064.503	40.544
Mua lại tài sản thuê tài chính bằng tiền ký quỹ	87.445.000	63.485.000
Chi phí lãi vay phải trả	2.586.545.535	5.136.476.159

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	40.544	757.846.567
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	2.924.735.544	1.348.767.840

3. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng (xem Thuyết minh V.1)	1.857.755.236	1.852.738.775

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	2.385.494.509	3.757.160.380
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	6.732.078.706	10.732.142.748
Sau năm thứ 5	2.944.416.229	4.123.456.374
Cộng	12.061.989.444	18.612.759.502

Các khoản tiền thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền cho thuê trạm đặt máy ATM dài 2,1 m x rộng 1,4 m x cao 2,7 m tại Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê mặt bằng ngày 10 tháng 5 năm 2017 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2017, đơn giá thuê là 3.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê trạm đặt máy ATM dài 1,9 m x rộng 2,1 m x cao 3,1 m tại Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng thuê địa điểm đặt máy ATM số 317/HĐ-ATM.2018 ngày 31 tháng 7 năm 2018 được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, đơn giá thuê là 3.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê trạm đặt máy ATM rộng 1,7m x dài 1,8m x cao 2,75m tại Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng thuê địa điểm đặt máy ATM số 423/2017/HĐATM/TNS-PVC ngày 6 tháng 7 năm 2017 được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 6 tháng 7 năm 2017, đơn giá thuê là 3.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 12 m2 Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê phòng lắp đặt và triển khai đầu tư hệ thống tăng cường chất lượng sóng di động trong tòa nhà: Phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng số 02 Nguyễn Hữu Cánh, P. Thắng Nhất, TP Vũng Tàu số 16HĐ/KCKL-PTECH ngày 17 tháng 01 năm 2012 được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2012, đơn giá thuê là 5.454.545 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 33,6 m2 Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê phòng máy lắp đặt thiết bị viễn thông số 140HĐ/2012/KCKL-VIETTEL ngày 10 tháng 6 năm 2012 được ký với thời hạn 10 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2012, đơn giá thuê là 3.636.364 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 48 m2 Khu Thương mại - Tầng 1 Khu Phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng số 02 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng cho thuê mặt bằng số 177.HĐ/KCKL ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Phụ lục 02 ngày 21 tháng 6 năm 2019 được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 21 tháng 6 năm 2019, đơn giá thuê là 168.000 VND/m2/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 70 m2 tầng trệt Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng kinh tế cho thuê văn phòng số 03.HĐ/2020/KCKL-SIEC ngày 01 tháng 8 năm 2020 được ký với thời hạn 3 năm, đơn giá thuê 130.000 VND/m2/tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuê văn phòng số 03.HĐ/2020/KCKL-SIEC ngày 01 tháng 8 năm 2020 được ký với thời hạn 3 năm, đơn giá thuê 130.000 VND/m2/tháng.

- Hợp đồng ủy thác kinh doanh số 158/2020/KCKL-AECC/UTKD ngày 10 tháng 7 năm 2020 với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (Alpha-ECC) trong việc khai thác cho thuê mặt bằng Văn phòng thương mại tầng 1,2,3 Khu phức hợp chung cư cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu do Công ty làm chủ đầu tư, thời hạn hợp tác là 10 năm. Công ty sử dụng doanh thu từ mặt bằng đã cho thuê trước khi ký Hợp đồng này và 30% doanh thu mặt bằng cho thuê sau khi ký hợp đồng này để thanh toán phần nợ gốc cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (Alpha-ECC), 70% doanh thu mặt bằng cho thuê sau khi ký Hợp đồng này Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (Alpha-ECC) sẽ được quyền thụ hưởng

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí VN (PVC)
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu Khí
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)

Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro

Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)

Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình

Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)
Đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)
Đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)
Đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)
Đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)

Công ty mẹ tối cao (Chủ sở hữu của PVC)
Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển
- Petrosetco

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật
khoan Dầu khí (PVD)

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam -
Chi nhánh Vũng tàu

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh
Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD

Công ty TNHH Công đoàn Dầu khí Việt Xô

Viện Dầu khí Việt Nam

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng
Dầu Khí.

Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí
(PVC-ME)

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt
Nam

CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành
Dầu khí Biển Đông

Ông Thái Doãn Thuyết

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Mối quan hệ

Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần
Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng
chủ sở hữu với PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần
Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
(cùng chủ sở hữu với PVC)

Đơn vị trong Công ty Cổ phần Phân
bón Dầu khí Cà Mau (cùng chủ sở
hữu với PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt
Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với
PVC)

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Công ty liên quan

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<u>Doanh thu</u>		
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	834.894.594	96.322.069.828
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	(526.055.508)	12.204.634.262
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	119.445.257	169.782.352
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	34.651.560.509	80.691.094.691
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	2.675.975.320	1.384.651.476
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	124.296.224	288.420.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	2.008.981.611	139.573.979

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	513.963.900	284.915.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	110.998.516	116.220.456
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	107.118.378	-
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	93.926.103
Cộng	40.621.178.801	191.695.288.747
Mua hàng		
Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái bình 2	613.065.572	533.936.775
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	7.778.185.996	241.862.362
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	5.002.784.351	3.243.918.985
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.090.320.189	2.743.007.819
Công ty Cổ phần bọc ống dầu khí Việt nam	137.703.000	
TCT Cổ phần Bảo hiểm DK VN - CN Vũng tàu	1.092.060.983	819.822.033
Công ty Cảng dịch vụ Dầu Khí	58.181.818	123.636.359
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	8.032.577.654	11.089.600
Công ty Cổ phần Khách sạn DK PTSC	-	14.351.432
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	20.000.000
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thái Bình	49.080.381	304.356.783
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	41.306.930
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	710.361.715	1.451.691.500
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	1.340.902.500
Công ty TNHH Công Đoàn Dầu khí Việt Xô	-	19.500.000
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	10.376.403.454	-
Viện Dầu khí Việt Nam	306.818.180	-
Công ty TNHH MTV DV Cơ khí Hàng hải PTSC	-	(109.626.973)
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	6.444.473	93.714.205
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	-	361.707.117
Cộng	38.253.987.766	11.255.177.427

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	44.345.530.605	50.193.646.069
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	1.240.959.367	2.606.513.398
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	13.369.400	13.369.400
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	325.998.117	6.050.948.957
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	6.285.214.745	18.584.243.519
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	2.902.411.052	553.038.200
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	2.743.127.776
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	562.347.790	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	-	249.208.373
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	117.830.216	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	195.228.500
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.156.144	200.156.144
Cộng	56.189.045.936	81.389.480.336
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	353.896.681
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu Khí	718.342.062	718.342.062
Cộng	1.072.238.743	1.072.238.743
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	2.274.571.394	2.274.571.394
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	1.044.106.790	1.044.106.790
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	20.746.507.509	20.233.861.839
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)	1.975.800.851	2.921.118.501
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	606.113.697	3.669.873.594
Công ty TNHH Công Đoàn Dầu khí Việt Xô	-	315.532.800
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	472.138.000	224.817.114
Trường cao đẳng nghề Dầu khí	246.555.998	246.555.998

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	6.268.409.073	-
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	32.000.000	135.999.999
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	3.507.577.674	-
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	325.685.926	98.835.142
Công ty Cổ phần TM & DV Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	47.347.070	418.653.814
Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS	165.884.625	165.884.625
Công ty CP Đào tạo Kỹ thuật PVD	1.100.073.363	1.462.073.363
Công ty TNHH Giải pháp CN kiểm tra không phá hủy DKVN	371.624.710	371.624.710
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	-	6.860.700
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	102.380.270
Công ty Cổ phần TM & DV dầu khí Biển - Petrosetco	3.497.574.970	3.497.574.970
Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí VN	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	-	5.724.950.840
Công ty TNHH MTV DV Cơ khí Hàng hải PTSC	989.874.839	3.869.728.461
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.714.723.844	1.714.723.844
Công ty Cổ phần bọc ống dầu khí Việt nam	4.756.639.584	4.756.639.584
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	-	6.000.000
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam	664.405.938	2.080.527.898
Trường đại học Dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	44.000.000	44.000.000
Cộng	53.395.249.501	57.930.529.896

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	37.303.173.879	23.395.301.262
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	9.903.917.829	10.685.986.281
Cộng	47.207.091.708	34.081.287.543

Vay ngắn hạn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	-	2.660.729.626
Ông Thái Doãn Thuyết	-	800.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	1.080.000.000
Cộng	-	4.540.729.626

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Thu nhập của thành viên chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Thành viên chủ chốt tại 31/12/2020			
Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	439.756.000	75.654.000
Ông Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	310.254.000	-
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	-
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng Ban kiểm soát	274.085.000	191.825.000
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát	230.424.000	163.215.000
Ông Phạm Chu Tứ	Thành viên Ban kiểm soát	213.885.000	151.687.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	367.815.000	264.732.000
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc	369.007.000	264.732.000
Ông Phan Khắc Mẫn	Phó Giám đốc	139.577.000	-
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	189.488.000	-
Cộng		2.774.291.000	1.231.845.000
Thành viên chủ chốt đã miễn nhiệm, bãi nhiệm			
Ông Đỗ Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	-	131.651.000
Ông Nguyễn Trung Trí	Chủ tịch HĐQT	-	32.500.000
Ông Phạm Tất Thành	Thành viên HĐQT	-	243.333.000
Bà Vũ Thị Thu Hải	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	-	16.500.000
Ông Vũ Minh Công	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	30.000.000	15.000.000
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	30.000.000	5.000.000
Ông Lê Tự Hiếu	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	-	20.000.000
Ông Trần Vũ Phụng	Quyền Giám đốc	189.413.000	235.192.000
Ông Trần Sỹ Huân	Phó Giám đốc	241.655.000	219.154.000
Cộng		491.068.000	918.330.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đều liên quan đến hoạt động xây lắp. Doanh thu và giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2. Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

5. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	121.809.751.888	122.923.332.180
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(65.662.030.920)	(102.507.019.226)
Nợ thuần	56.147.720.968	20.416.312.954
Vốn chủ sở hữu	341.024.035.590	337.637.998.220
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	16,46%	6,05%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.662.030.920	65.662.030.920	102.507.019.226	102.507.019.226
Phải thu của khách hàng	212.986.586.570	212.986.586.570	128.912.702.731	128.912.702.731
Phải thu khác	7.662.091.023	7.662.091.023	30.689.906.616	30.689.906.616
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Cộng	286.360.708.513	286.360.708.513	262.159.628.573	262.159.628.573

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	408.332.048.224	408.332.048.224	292.067.924.733	292.067.924.733
Chi phí phải trả	227.352.112.176	227.352.112.176	46.845.728.163	46.845.728.163
Phải trả khác	8.077.647.087	8.077.647.087	7.739.519.087	7.739.519.087
Các khoản vay	121.809.751.888	121.809.751.888	122.923.332.180	122.923.332.180
Cộng	765.571.559.375	765.571.559.375	469.576.504.163	469.576.504.163

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay và nợ thuê tài chính tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.13.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện nhập khẩu các vật tư thiết bị chủ yếu cho công trình xây lắp có gốc ngoại tệ USD, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách quy trị ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Tiền gửi ngân hàng

Ngoài trừ tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số tiền là 1.857.755.236 VND đang bị hạn chế sử dụng, phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn liên quan đến nhóm khách hàng xây lắp, rủi ro tín dụng đã được Ban Giám đốc Công ty đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số V.5.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.662.030.920	-	-	65.662.030.920
Phải thu của khách hàng	212.986.586.570	-	-	212.986.586.570
Phải thu khác	7.657.091.023	5.000.000	-	7.662.091.023
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
Cộng	286.305.708.513	5.000.000	50.000.000	286.360.708.513
Phải trả cho người bán	408.332.048.224	-	-	408.332.048.224
Chi phí phải trả	227.352.112.176	-	-	227.352.112.176
Phải trả khác	7.303.458.687	774.188.400	-	8.077.647.087
Các khoản vay	120.279.267.267	1.530.484.621	-	121.809.751.888
Cộng	763.266.886.354	2.304.673.021	-	765.571.559.375
Chênh lệch thanh khoản thuần	(476.961.177.841)	(2.299.673.021)	50.000.000	(479.210.850.862)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.507.019.226	-	-	102.507.019.226
Phải thu của khách hàng	128.912.702.731	-	-	128.912.702.731
Phải thu khác	11.381.536.533	19.308.370.083	-	30.689.906.616
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
Cộng	242.801.258.490	19.308.370.083	50.000.000	262.159.628.573
Phải trả cho người bán	292.067.924.733	-	-	292.067.924.733
Chi phí phải trả	46.845.728.163	-	-	46.845.728.163
Phải trả khác	7.293.730.020	445.789.067	-	7.739.519.087
Các khoản vay	118.153.696.457	4.769.635.723	-	122.923.332.180
Cộng	464.361.079.373	5.215.424.790	-	469.576.504.163
Chênh lệch thanh khoản thuần	(221.559.820.883)	14.092.945.293	50.000.000	(207.416.875.590)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021



ĐINH VĂN TÂN
Giám đốc

PHẠM NGỌC TÚ
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Người lập biểu

CÔNG TY
CỔ PHẦN
KẾT CẤU
KIM LOẠI
VÀ LẮP
MÁY DẦU
KHÍ

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN KẾT CẤU
KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY
DẦU KHÍ
DN:
E=THUPHUONG@PVC-M
S.VN,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:3500834094,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ
LẮP MÁY DẦU KHÍ, L-BÀ
RIỂN VŨNG TÀU, C=VN
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2021-03-31 17:10:38
Foxit PhantomPDF
Version: 9.7.0

